

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Kiến trúc năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 53-CTr/TU ngày 20/5/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính

trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

Căn cứ Thông báo số 1069-TB/TU ngày 04/05/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định 1051/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 19/07/2019 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 28/07/2023 về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm; Văn bản số 332/UBND-GTXD ngày 23/02/2023 về việc chủ trương lập Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm; Văn bản số 824/UBND-GTXD ngày 10/5/2024 về việc thực hiện Thông báo số 1069-TB/TU ngày 04/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 2142/TTr-SXD ngày 02/8/2024, kèm theo Báo cáo Thẩm định số 1528/BC-SXD ngày 10/6/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm với những nội dung sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm.
- 2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm.
- 3. Mục tiêu, tính chất, phạm vi, quy mô nghiên cứu**

3.1 Mục tiêu:

- Cụ thể hoá Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

- Xây dựng thị trấn Tân Thanh là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, trung tâm thương mại của huyện Thanh Liêm; tạo tiền đề xây dựng huyện Thanh Liêm đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2030, hướng tới thành lập thị xã.

- Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; Là căn cứ pháp lý để quản lý và triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

3.2. Tính chất:

Là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, trung tâm thương mại của huyện Thanh Liêm.

3.3. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, diện tích khoảng 1.176 ha, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Liêm Cần và xã Thanh Hà;
- Phía Nam giáp xã Thanh Hương và xã Liêm Sơn;
- Phía Đông giáp xã Liêm Sơn và xã Liêm Thuận;
- Phía Tây giáp xã Thanh Phong.

4. Dự báo các chỉ tiêu phát triển

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng (*năm 2022*): khoảng 11.080 người.
- Đến năm 2030 khoảng 32.000 người;
- Đến năm 2035 khoảng 40.000 người.

b) Quy mô đất đai:

- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị khoảng 596,85ha, trong đó đất dân dụng đô thị khoảng 264,46ha.
- Đến năm 2035: đất xây dựng đô thị khoảng 709,73ha, trong đó đất dân dụng đô thị khoảng 310,21ha.

4. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian đô thị

a) Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch và quy mô các chức năng sử dụng đất

Stt	Loại đất	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch đến năm 2035		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
A	Đất xây dựng đô thị	596,85	50,75		709,73	60,35	
I	Đất dân dụng đô thị	264,46	22,49	82,64	310,21	26,38	77,6
1	Đất nhóm nhà ở	180,92	15,38	56,5	211,08	17,95	52,8
1.1	Đất nhóm ở mới	90,07	7,66	43,1	120,23	10,22	41,6
1.2	Đất nhóm ở hiện trạng	90,85	7,72	82,0	90,85	7,72	82,0
2	Đất hỗn hợp nhóm ở và dịch vụ	17,36	1,48	5,4	17,36	1,48	4,3
3	Đất giáo dục	11,82	1,01	3,7	16,11	1,37	4,0
3.1	Đất trường THPT	1,93	0,16	0,6	4,26	0,36	1,1
3.2	Đất trường học (THCS, TH, MN)	9,89	0,84	3,1	11,85	1,01	3,0
4	Đất dịch vụ - công cộng khác cấp đô thị	10,57	0,90	3,3	14,56	1,24	3,6
5	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	0,83	0,07	0,3	0,83	0,07	0,2
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	16,49	1,40	5,2	23,83	2,03	6,0
7	Đất giao thông đô thị	26,47	2,25	8,3	26,44	2,25	6,6

Stt	Loại đất	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch đến năm 2035		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
II	Đất ngoài dân dụng	332,39	28,26		399,52	33,97	
1	Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu	2,19	0,19		2,19	0,19	
2	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	7,86	0,67		7,86	0,67	
3	Đất dịch vụ, du lịch	38,88	3,30		78,87	6,71	
4	Đất trung tâm y tế	3,32	0,28		14,14	1,20	
5	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	11,57	0,98		15,00	1,27	
6	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	46,90	3,99		53,61	4,56	
7	Đất cây xanh chuyên dụng	19,92	1,69		21,98	1,87	
8	Đất di tích, tôn giáo	9,16	0,78		9,16	0,78	
9	Đất an ninh	2,98	0,25		2,98	0,25	
10	Đất quốc phòng	48,12	4,09		48,12	4,09	
11	Đất giao thông đối ngoại	116,14	9,88		118,88	10,11	
11.1	Đất giao thông	107,71	9,16		107,71	9,16	
11.2	Đất đầu mối giao thông	8,43	0,72	2,6	11,17	0,95	2,79
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	25,36	2,16		26,74	2,27	
12.1	Đất nghĩa trang	21,54	1,83		21,54	1,83	
12.2	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,82	0,32		5,20	0,44	
B	Đất khác	579,24	49,25		466,36	39,65	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	334,64			221,76		
2	Đất nông nghiệp gắn với đất ở	147,34			147,34		
3	Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất)	70,38			70,38		
4	Đất hồ, ao, đầm	1,81			1,81		
5	Đất sông, suối, kênh, rạch	25,07			25,07		
Tổng diện tích		1.176,09	100,00		1.176,09	100,00	

Ghi chú:

- Đồ án quy hoạch chung đô thị được tính toán đến mạng lưới đường khu vực đề xuất, việc tính toán các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được nghiên cứu đến các ô quy hoạch. Vị trí và ranh giới các lô đất trên bản vẽ có tính chất định

hướng. Ranh giới quy mô và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của các lô đất xây dựng sẽ được xác định chính xác ở bước lập quy hoạch chi tiết, trên cơ sở quy đất cụ thể tại khu vực, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế, các chỉ tiêu cơ bản đối với ô quy hoạch đã được xác định tại đồ án Quy hoạch chung này, đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch ngành liên quan, các quy định của pháp luật hiện hành và ý kiến cơ quan có thẩm quyền liên quan (nếu có).

- Đất công trình di tích, tôn giáo xác định trong đồ án là diện tích hiện trạng. Quy mô, phạm vi được xác định cụ thể trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, trên cơ sở các căn cứ pháp lý hoặc ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4.2. Định hướng phát triển không gian thị trấn

a) Hướng phát triển đô thị:

Định hướng chung cho không gian đô thị của thị trấn Tân Thanh phát triển dọc trục đường T1, T4 tập trung phát triển đô thị, dịch vụ thương mại đô thị tạo động lực phát triển của thị trấn. Không gian trung tâm mới của đô thị được bố trí mở rộng theo hướng Đông Tây bám dọc trục chính của đô thị dựa trên trục giao thông đường T1, đường T4 để mở rộng không gian đô thị theo định hướng phát triển chung của quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm. Không gian đô thị được phân theo 3 khu vực gồm:

- Khu vực 1 (*phía Bắc đường ĐH.07*) dự kiến hình thành đơn vị ở số 1: Là khu vực đô thị phát triển mở rộng đã được định hướng trong điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch tỉnh, phát triển dịch vụ thương mại khu vực đường T4.

- Khu vực 2 (*phía Bắc đường ĐT.499B và phía Nam đường ĐH.07*) dự kiến hình thành đơn vị ở số 2: Là khu vực tập trung dân cư (hiện trạng và phát triển mới) chủ yếu của thị trấn, tập trung các công trình trụ sở cơ quan, công trình văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo và dịch vụ thương mại của thị trấn và của huyện.

- Khu vực 3 (*phía Nam đường ĐT.499B*) dự kiến hình thành đơn vị ở số 3: Là các khu vực dân cư hiện hữu, đồi núi tự nhiên với các công trình y tế, dịch vụ du lịch cấp vùng (*khu vực chùa Tiên và khu vực nút giao đường T4 với ĐH.10*) và các mỏ khoáng sản.

b) Phân vùng kiểm soát phát triển:

- Khu vực đô thị hiện hữu: Là khu vực tập trung dân cư chủ yếu của thị trấn, đang được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng cơ sở và hạ tầng kỹ thuật. Định hướng không gian theo hướng giảm tải tập trung dân cư, cải thiện không gian xanh trong lõi. Đồng thời, chỉnh trang các trục giao thông chính để nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị.

- Khu vực đô thị phát triển mở rộng: Là các khu vực đã được đưa vào vùng phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch Vùng huyện và Quy hoạch tỉnh. Là khu vực có dư địa, có khả năng kết nối hạ tầng thuận lợi trong và ngoài đô thị, được gia tăng tập trung dân cư đô thị đồng bộ với bố trí các chức năng về

dịch vụ và thương mại cho huyện.

- Khu vực bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên: Là khu vực cần hạn chế hoạt động xây dựng, kiểm soát phát triển bao gồm khu vực đồi núi trong đô thị, đất rừng phát triển lâm nghiệp và khu vực xung quanh công trình tôn giáo tín ngưỡng. Khu vực các mỏ khoáng sản thực hiện theo quy hoạch ngành, bảo vệ phục hồi môi trường, chuyển mục đích sử dụng theo hướng xanh, sinh thái.

- Khu vực cấm xây dựng: nghiêm cấm xây dựng các công trình trong hành lang lưới điện, các khu vực thuộc vùng bảo vệ của di tích lịch sử, văn hóa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các khu vực thuộc lộ giới quản lý các tuyến đường theo quy hoạch phải được kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch được duyệt.

c) Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính:

- Trục động lực phát triển kinh tế chính của đô thị được xác định dọc theo tuyến giao thông T1, T4 là các tuyến kết nối quan trọng của thị trấn, của huyện với thành phố Phủ Lý. Dọc tuyến được bố trí các chức năng sử dụng đất có tính thương mại, dịch vụ, công trình hỗn hợp và nhà ở là chủ yếu.

- Trung tâm hành chính tập trung, trung tâm văn hóa – thể thao, các trụ sở cơ quan ngành dọc cấp huyện được xây dựng mới đồng bộ, gắn với các không gian phát triển mới hình thành lõi xanh trung tâm đô thị (*khu dân cư, khu công viên cây xanh, quảng trường và không gian công cộng*).

- Các công trình công cộng (*trường học, chợ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...*), các công trình trụ sở cơ quan có kiến trúc hiện đại, mật độ xây dựng thấp và trung bình gắn với không gian công viên cây xanh, hồ nước hình thành các không gian mở tạo cảnh quan cho đô thị.

- Các khu ở:

+ Được tổ chức thành 03 đơn vị ở với đầy đủ hệ thống công trình công cộng dịch vụ trong đó bố trí hệ thống hạ tầng xã hội (*trường học, công trình sinh hoạt cộng đồng, dịch vụ công cộng, vườn hoa, cây xanh,...*) tại khu vực trung tâm từng đơn vị ở phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của người dân.

+ Các nhóm ở mới: được định hướng quy hoạch đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở nguyên tắc lấy không gian công cộng, không gian mở làm lõi trung tâm, định hướng các công trình kiến trúc theo hướng hiện đại. Ưu tiên phát triển loại hình nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ dọc các tuyến đường chính đô thị, các khu vực thuận lợi cho phát triển thương mại. Bố trí các khu tái định cư tập trung nhằm đáp ứng nhu cầu tái định cư trong quá trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

+ Các nhóm ở hiện hữu: bao gồm các làng xóm cũ, khu dân cư mới hình thành được cải tạo, chỉnh trang kết nối đồng bộ với khu vực phát triển mới, hạn chế các tác động làm thay đổi cấu trúc hiện có. Định hướng các giải pháp, quy định các chỉ tiêu quy hoạch (*chiều cao, mật độ, khoảng lùi*) để kiểm soát phát triển.

- Các khu vực nghĩa trang hiện trạng: Từng bước đóng cửa theo lộ trình, bố trí cây xanh cách ly nhằm tôn tạo cảnh quan môi trường cho khu vực xung quanh, hạn chế tác động xấu đến các khu chức năng trong đô thị.

d) Định hướng trung tâm hành chính chính trị, cơ quan ngành dọc, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị:

- Trung tâm hành chính chính trị tập trung, cơ quan ngành dọc cấp huyện: được kế thừa, giữ nguyên theo định hướng quy hoạch chung kỳ trước, hiện nay đang được triển khai đầu tư, hiện thực hóa theo quy hoạch, dự án được duyệt.

- Các trụ sở cơ quan thị trấn được kế thừa, giữ nguyên theo định hướng quy hoạch chung kỳ trước và hiện trạng đã có.

- Trung tâm y tế: Duy trì trung tâm y tế cấp huyện và thị trấn tại khu vực hiện trạng, trong đó định hướng mở rộng diện tích Trung tâm y tế huyện; đồng thời bổ sung quy hoạch Bệnh viện đa khoa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cho huyện Thanh Liêm khi phát triển thành đô thị Thanh Liêm.

- Trung tâm đào tạo: giữ nguyên định hướng phát triển trường THPT theo hướng liên cấp tại khu vực phía Tây Nam đường T1, gắn với trường THCS chất lượng cao Đình Công Tráng và trung tâm thể dục thể thao mới của đô thị. Các trường học cấp đơn vị ở hiện có được cải tạo, mở rộng (*Trường THCS thị trấn, Trường Tiểu học A Tân Thanh*) và bố trí mới theo yêu cầu phát triển đối với khu vực hiện trạng và phát triển mới trong thị trấn, đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ.

- Trung tâm văn hóa - thể thao: Trung tâm văn hóa và công trình thể dục thể thao cấp huyện gắn với khu trung tâm hành chính của huyện và không gian công viên chuyên đề được giữ nguyên theo định hướng quy hoạch chung kỳ trước, hiện nay đang được triển khai đầu tư theo quy hoạch, dự án được duyệt. Bố trí bổ sung sân thể thao trung tâm (*phía Nam trung tâm hành chính của thị trấn*) phục vụ mục tiêu hướng tới tiêu chí đô thị loại IV trên địa bàn toàn huyện đảm bảo quy mô, bán kính phục vụ theo quy định. Thiết chế văn hóa – thể thao cơ sở được duy trì, cải tạo, bổ sung sân thể thao đảm bảo quy mô diện tích và các hoạt động sinh hoạt cộng đồng trong các nhóm ở.

- Trung tâm thương mại - dịch vụ:

+ Trung tâm thương mại cấp vùng được bố trí tại các nút giao thông quan trọng dọc trục đường T4, trong đó công trình tại nút giao với đường T1 tại cửa ngõ của đô thị dự kiến phát triển hoạt động hội chợ triển lãm, quảng bá và giới thiệu sản phẩm địa phương, trung tâm thương mại.

+ Chợ thị trấn hiện trạng được giữ nguyên, xây dựng chợ mới tại khu vực trung tâm phía Bắc đường T1 tại tổ dân phố Đạt Hưng. Ngoài ra hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, siêu thị kết hợp với các tuyến phố thương mại buôn bán truyền thống có quy mô nhỏ và vừa dọc theo tuyến đường T1.

- Trung tâm du lịch: phát triển khu vực dịch vụ du lịch xung quanh khu vực chùa Tiên và các điểm tham quan, tìm hiểu các di tích văn hóa, không gian lâm nghiệp, không gian làng xóm ven núi đặc trưng trên địa bàn.

- Hệ thống cây xanh, không gian mở:

+ Hệ thống cây xanh mặt nước đô thị được bố trí kết hợp với hệ thống kênh mương hiện hữu, các trục hành lang xanh dọc các tuyến giao thông góp phần nâng cao cảnh quan đô thị; hình thành các khu vực cây xanh tập trung, công viên chuyên đề gắn với các điểm du lịch trong khu vực tạo dựng bản sắc đô thị. Bố trí hệ thống mặt nước, vườn hoa, sân chơi trong các nhóm ở đồng bộ với hệ thống hạ tầng xã hội trong các khu ở mới và khu dân cư hiện trạng.

+ Không gian lâm nghiệp được duy trì và hướng tới hoạt động du lịch. Không gian nông nghiệp duy trì trong giai đoạn ngắn hạn kết hợp với các dịch vụ du lịch trải nghiệm, bên cạnh áp dụng các mô hình sản xuất tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp tại các quỹ đất còn lại phù hợp với hình thái nông nghiệp đô thị.

4.3. Thiết kế đô thị

a) Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị:

- Khu vực hiện hữu: tập trung vào nâng cấp, cải tạo và chỉnh trang các công trình xuống cấp, các công trình xây mới theo hướng sinh thái có tầng cao trung bình và thấp, tận dụng các khu đất trống, hoặc tận dụng chuyển đổi chức năng tại khu ở bổ sung tăng cường thêm các tiện ích cho từng khu ở hiện hữu như: nhà văn hóa, cây xanh vườn hoa, mặt nước, TDTT, sân chơi.... Triển khai các thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nhằm quản lý chặt chẽ chỉ giới xây dựng, tầng cao, hình thức, màu sắc kiến trúc công trình trên các trục đường chính đô thị, các trục đường đối ngoại, các khu vực yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, đảm bảo việc cải tạo, chỉnh trang triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng được đồng bộ, thống nhất.

- Khu vực đô thị phát triển mới: các khu vực đô thị phát triển mới mang hình ảnh khu ở hiện đại, khuyến khích áp dụng đô thị nén tại khu vực trung tâm, khu vực khác nghiên cứu áp dụng theo hướng sinh thái có hệ số, mật độ trung bình và thấp, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ. Tập trung xây dựng một số công trình thương mại dịch vụ, siêu thị, ngân hàng, tài chính có quy mô, hình khối lớn, hiện đại, tạo điểm nhấn cho đô thị và đáp ứng nhu cầu của người dân trong vùng. Công trình công cộng, hành chính sự nghiệp được quy hoạch phong cách kiến trúc, hình khối phù hợp với công năng sử dụng. Các công trình công cộng khác được nghiên cứu bố trí tầng cao, mật độ, phong cách kiến trúc phù hợp với công năng sử dụng của từng công trình, đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

b) Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường, điểm nhấn đô thị:

- Hình thành các trục không gian chính kết hợp với bố trí các công trình điểm nhấn tại các vị trí cửa ngõ của đô thị trên các tuyến đường T1, đường T4,... và khu vực trung tâm đô thị.

- Quảng trường trung tâm gắn với khu trung tâm hành chính huyện và khu vực trung tâm đô thị hiện trạng.

- Công trình điểm nhấn của đô thị gồm: Công trình tại khu vực trung tâm hành chính huyện, công trình trung tâm thương mại cửa ngõ phía Tây của thị

trần tại khu vực nút giao đường T1 với đường T4 và khu vực cửa ngõ phía Nam của thị trấn tại khu vực nút giao đường T4 với đường ĐH.10.

c) Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước:

- Bố trí không gian cây xanh, mặt nước tập trung cấp đô thị tại khu vực trung tâm xung quanh khu vực trung tâm hành chính mới, khu vực các công viên chuyên đề, khu vực các công trình thể dục thể thao, công trình văn hóa cấp đô thị, qua đó hình thành khu vực điểm nhấn không gian mở quan trọng về kiến trúc cảnh quan, điều hòa vi khí hậu của đô thị.

- Hệ thống cây xanh theo tuyến: Bố trí hình thành các dải cây xanh liên tục và hoàn chỉnh theo từng tuyến gắn với từng chủ đề cụ thể.

5. Định hướng hạ tầng kỹ thuật

5.1 Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) *Giao thông đối ngoại:*

- Đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và đường gom thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Các tuyến đường tỉnh, đường huyện (*ĐT.499B, ĐT.495 (ĐH.03, ĐH.15 theo điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện), ĐH.06, ĐH.10,...*) hiện có cải tạo chỉnh trang theo hướng đô thị, bố trí hệ đường đảm bảo an toàn giao thông.

b) *Giao thông đô thị:*

- Đường cấp đô thị: gồm các tuyến trục chính đô thị có lộ giới từ 65,5m đến 68m (*đường T1 lộ giới 65,5m, đường T4 lộ giới 68m - quy hoạch tỉnh TD-03*) đảm bảo kết nối thông suốt trục Bắc Nam, Đông Tây của vùng huyện và tuyến đường liên khu vực D2 có lộ giới 25,0m (*xác định theo Quy hoạch vùng huyện*).

- Hệ thống đường cấp khu vực có lộ giới từ 17m đến 31m đảm bảo kết nối các khu chức năng trong đô thị. Các tuyến đường hiện trạng được cải tạo theo hướng đô thị.

c) *Công trình đầu mối và giao thông công cộng:*

- Nút giao thông: bố trí quỹ đất xây dựng đường dẫn, khu vực nút giao Chằm Thị phía Đông Nam đô thị; các nút giao còn lại, xây dựng nút giao cùng mức, tổ chức giao thông có đảo dẫn hướng kết hợp với đèn tín hiệu giao thông, biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định.

- Bến, bãi đỗ xe: bố trí bến xe kết hợp bãi đỗ xe tập trung tại khu vực phía Tây tuyến T4. Định hướng bố trí bãi đỗ xe trong khu quy hoạch với bán kính phục vụ đảm bảo theo quy định, quy mô gắn với nhu cầu sử dụng trong các khu ở và các khu chức năng trên cơ sở tuân thủ quy chuẩn hiện hành. Các công trình công cộng, khu vực công viên cây xanh tập trung bố trí kết hợp với bãi đỗ xe nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ cho công trình.

- Giao thông công cộng: định hướng các tuyến giao thông công cộng bằng xe buýt theo các trục chính kết nối thị trấn và các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp trong tỉnh và huyện.

5.2. Định hướng cao độ nền, thoát nước mưa

a) Định hướng quy hoạch cao độ nền xây dựng

- Cao độ không chế nền xây dựng cho khu vực dân dụng $H_{xd} \geq (+2.3m \div +2.8m)$ (không chế cao độ nền xây dựng mới và từng bước cải tạo cao độ nền khu vực đã đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng cao độ nền không chế theo quy hoạch xây dựng Vùng huyện Thanh Liêm được phê duyệt).

- Đối với những khu vực đã xây dựng (làng xóm đô thị hóa, các khu đô thị, khu nhà ở, ...), khu vực có cốt nền tương đối ổn định, cao độ nền giữ nguyên theo cao độ hiện có. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ không chế từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ không chế chung đồng thời có các giải pháp thoát nước kết nối với các khu vực quy hoạch mới để tránh ngập úng cục bộ.

b) Thoát nước mưa

- Nước mưa được thu gom tập trung vào hệ thống công thoát ra kênh tiêu chính KT6 (KN12A), sông Kinh Thủy; khu vực được chia làm 3 lưu vực, cụ thể:

+ Lưu vực 1 (phía Bắc tuyến đường T1): khu vực phía Đông và Tây kênh tiêu KT6 hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, nước mưa được thu gom vào kênh tiêu KT8, thoát ra kênh KT6 và sông Kinh Thủy.

+ Lưu vực 2 (phía Nam tuyến đường T1 và phía Bắc kênh tiêu KT10 (KB8)): khu vực phía Đông và Tây kênh tiêu KT6 hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, nước mưa được thu gom vào kênh tiêu KT10 (KB8), thoát ra kênh KT6 và sông Kinh Thủy.

+ Lưu vực 3 (phía Nam kênh tiêu KT10 (KB8)): khu vực phía Đông và Tây kênh tiêu KN12A hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, nước mưa được thu gom vào kênh tiêu KT10 (KB8), thoát ra kênh KN12A.

- Áp dụng giải pháp thoát nước mưa theo hướng bền vững: sử dụng các hồ, ao tự nhiên hiện có, bổ sung thêm hồ điều hòa gắn với công viên cây xanh để phục vụ yêu cầu tiêu thoát nước cho đô thị, hạn chế ngập úng cục bộ, đồng thời tạo không gian, cảnh quan cho đô thị; sử dụng kết cấu hè, đảo giao thông, bãi đỗ xe xen lẫn cây xanh, tăng hệ số thấm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa các trục tiêu thoát nước chính, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực ra sông Kinh Thủy.

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng công tròn BTCT có đường kính $D600 \div D1500$. Khu vực hiện trạng đã xây dựng ổn định, cải tạo nâng cấp mương, cống hiện trạng đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực.

- Hoàn trả kênh tưới (NT4) khu vực phía Nam đường huyện ĐH.10, hướng tuyến, quy mô kích thước thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.3. Định hướng cấp nước

a) Nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng $5.900m^3/ng.đêm$; đến năm 2035 khoảng $7.300m^3/ng.đêm$.

- Nguồn cấp: từ các nguồn cấp hiện trạng gồm nhà máy cấp nước Tân Thanh (*nhà máy nước Thanh Lưu*), nhà máy cấp nước Đồng Tâm tại xã Thanh Phong, được chuyển đổi theo lộ trình chung của tỉnh và bổ sung các nguồn cấp từ nhà máy nước Thanh Liêm và hệ thống cấp nước thành phố Phủ Lý (*Nhà máy nước Phủ Lý và Nhà máy nước sông Hồng qua Trạm bơm tăng áp Phủ Lý*) thông qua tuyến ống truyền tải $\Phi 400$ để đảm bảo cấp nước an toàn.

b) Mạng lưới cấp nước:

- Cải tạo mạng lưới cấp nước hiện có, phát triển mạng lưới ống phân phối chính kết nối mạch vòng cho các khu vực hiện có và các khu vực phát triển mới đảm bảo công suất và áp lực cấp nước, gồm các tuyến ống $\Phi 110 \div \Phi 400$.

- Cấp nước cứu hỏa: nguồn nước lấy từ ống cấp nước trên các trục đường, bố trí các trụ cứu hỏa đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định. Ngoài ra bố trí điểm lấy nước tại hồ nước, mặt nước cảnh quan trong đô thị làm nguồn nước sử dụng cứu hỏa.

5.4 Định hướng cấp điện – chiếu sáng

a) Nguồn điện, nhu cầu cấp điện:

- Nguồn điện từ lưới điện trung thế hiện có từ các trạm 110/35(22)kV Thanh Nghị, trạm 110/35(22)kV Thạch Tổ và trạm 110/35(22)kV Thanh Liêm.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng: đến năm 2030 khoảng 17MVA, đến năm 2035 khoảng 32 MVA.

b) Mạng lưới cấp điện:

- Trạm điện: Trạm điện trung, hạ thế được bố trí các trạm biến áp tập trung 22/0,4kV, các trạm biến áp xây dựng mới cho khu đô thị dùng loại trạm Kios kiểu kín hợp bộ, đảm bảo bán kính phục vụ, khu vực dân cư hiện trạng di chuyển, chỉnh trang sử dụng loại trạm treo, các trạm đặt ở các khu vực cây xanh nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Lưới điện:

+ Lưới điện trung thế: Các tuyến 35KV và 22KV hiện trạng được cải tạo, nắn tuyến theo đường quy hoạch, hoàn trả hạ ngầm, tuyến 35kV được cải tạo về cấp điện áp chuẩn 22KV. Lưới trung thế 22KV mới bố trí đi ngầm, hình thành mạch vòng cấp điện cho các dự án trong khu vực, các tuyến rẽ nhánh đến trạm biến áp phân phối 22/0,4KV.

+ Lưới điện hạ thế và chiếu sáng được đi ngầm.

- Chiếu sáng đô thị: đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng, các khu sân chơi, công viên, vườn hoa và hồ nước cảnh quan,... bố trí thêm hệ thống chiếu sáng trang trí.

5.5. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu thuê bao đến năm 2030 khoảng 33.300 lines; đến năm 2035 khoảng 52.000 lines.

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc (hệ thống chuyển mạch, mạng truyền dẫn, mạng ngoại vi, mạng điện thoại) đảm bảo đồng bộ với hệ thống hạ

tầng theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh:

+ Mạng truyền dẫn: Tuyến cáp quang hiện trạng trên đường QL1 tuyến tránh thành phố Phủ Lý và QL.21; phát triển mạng cáp quang đến 100% các nhóm ở.

+ Phát triển thêm các trạm BTS tại các khu vực sóng yếu, đảm bảo 100% khu vực dân cư được phủ sóng thông tin di động 4G, 5G.

- Hệ thống truyền dẫn thiết kế với công nghệ hiện đại, sử dụng công nghệ mới về thông tin viễn thông, tiến tới truy cập thông tin trên diện rộng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, hệ thống đường dây đi qua đô thị được ngầm hoá đảm bảo mỹ quan.

5.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải

- Tổng nhu cầu nước thải sinh hoạt của đô thị đến năm 2030 khoảng 3.900m³/ngđ, đến năm 2035 khoảng: 4.900m³/ngđ.

- Khu vực phát triển đô thị sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư hiện hữu trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung, giai đoạn sau từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị và khu vực lân cận theo điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện. Khi trạm xử lý tập trung và hệ thống thu gom của đô thị chưa được đầu tư, tiếp tục sử dụng các trạm xử lý cục bộ theo các dự án đang triển khai. Đối với khu vực dân cư hiện hữu xa khu vực trung tâm đô thị với mật độ thấp: xử lý nước thải phân tán trong điều kiện tự nhiên.

- Mạng lưới thu gom nước thải gồm các tuyến ống có đường kính từ D300÷D500. Bố trí các trạm bơm chuyên bậc và ống áp lực có kích thước phù hợp. Nước thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

b) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Tổng lượng CTR phát sinh trong khu vực đến năm 2030 khoảng 34,6 tấn/ngày, đến năm 2035 khoảng 48 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung của tỉnh (*tỷ lệ thu gom xử lý đạt 100%*). Chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng.

c) Quy hoạch nghĩa trang:

- Các nghĩa trang tiến hành đóng cửa theo lộ trình, bố trí cây xanh cách ly kết hợp cây xanh cảnh quan đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường và cảnh quan cho đô thị. Mở rộng một số vị trí nghĩa trang hiện trạng (*khu vực tổ dân phố Ba Nhất phía Nam thị trấn và tổ dân phố Thanh Liêm phía Bắc thị trấn*) có đủ quy mô diện tích và các yêu cầu về khoảng cách đến khu dân cư nhằm di chuyển các mộ nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung, phục vụ nhu cầu mai táng của người dân trong khu vực. Khuyến khích, tuyên truyền vận động nhân dân chuyển dần sang hình thức hỏa táng.

- Nhà tang lễ: Bố trí 01 nhà tang lễ của đô thị dự kiến gắn với bệnh viện

đa khoa quy hoạch mới.

5.7. Quy hoạch không gian ngầm

- Việc xây dựng các công trình ngầm, phần ngầm của các công trình xây dựng phải đảm bảo phù hợp với không gian xây dựng ngầm trong đồ án quy hoạch đô thị và quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được quy tại Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Hào kỹ thuật/Hệ thống ống chờ luôn cáp kết hợp hồ ga kỹ thuật (*bể cáp*) nối các khoảng ống nhằm phục vụ cho việc hạ ngầm và bố trí hệ thống đường dây cấp điện, thông liên lạc đi bên trong và thuận tiện trong việc vận hành, nâng cấp sửa chữa hệ thống đường dây, đảm bảo mỹ quan đô thị.

5.8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khuyến khích phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa trong khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư. Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong các khu vực còn tiếp tục hoạt động nông nghiệp.

- Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu; huy động nguồn lực để củng cố, nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lũ, bão.

6. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

- Lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trong đó ưu tiên triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định làm cơ sở quản lý, thu hút đầu tư xây dựng đảm bảo đồng bộ, từng bước củng cố và nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị.

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện trụ sở cơ quan hành chính huyện, trụ sở thị trấn Tân Thanh và trụ sở khối cơ quan ngành dọc theo quy hoạch.

- Hoàn thiện, cải tạo, nâng cấp đường tỉnh, đường huyện, đường giao thông liên khu vực, khu vực (đường T1, T4, ĐT495, ĐT.499B, ĐH07, ĐH.06, ĐH.10...), xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống đường ống thu gom chính. Đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa, công viên, hồ điều hòa; cải tạo, nâng cấp kè các kênh tiêu để nâng cao năng lực thoát nước.

- Nâng cấp nhà máy nước Tân Thanh, bổ sung và nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước chính; bổ sung nguồn cấp nước từ các nhà máy nước cấp vùng, sử dụng nguồn nước đảm bảo.

- Nâng cấp, bổ sung đường điện trung thế và trạm biến áp.

- Mở rộng trung tâm y tế huyện; đầu tư Trung tâm thể thao huyện; hệ thống trường học, thiết chế văn hóa thể thao cơ sở.

- Xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung của thị trấn.

- Triển khai đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư, cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện có.

Điều 2.

Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định Quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm*”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm

- Tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm theo đúng quy định.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch, triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định.

- Triển khai lập kế hoạch thực hiện quy hoạch và tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

- Đối với các khu dân cư hiện hữu, tổ chức rà soát hiện trạng, lập và thẩm định phê duyệt quy hoạch cải tạo, chỉnh trang cảnh quan kiến trúc, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự đồng bộ, khớp nối với khu vực quy hoạch đô thị mới, làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng.

- Chịu trách nhiệm về các nội dung, thông tin, số liệu kinh tế - xã hội của địa phương và ngành có liên quan; nội dung tiếp thu giải trình ý kiến tham gia, thẩm định đối với đồ án quy hoạch; tính chính xác tại nội dung đánh giá hiện trạng, thực trạng phát triển khu vực lập quy hoạch, đánh giá các dự án đầu tư xây dựng đang triển khai, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Liêm được phê duyệt; các căn cứ, cơ sở của dự báo quy mô dân số đô thị; rà soát kiểm tra các quy hoạch, dự án đảm bảo sự thống nhất giữa các cấp độ quy hoạch (*Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh, điều chỉnh quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan*), đánh giá các quy hoạch chi tiết, dự án đang triển khai bao gồm dự án nhà ở, dịch vụ thương mại, sản xuất..., không để xảy ra chồng chéo, tranh chấp trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận vào bản vẽ quy hoạch theo đúng nội dung Quyết định được phê duyệt; thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát công tác quản lý quy hoạch theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch được duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư theo Quy hoạch được duyệt theo trình tự ưu tiên từng giai đoạn đảm bảo tiến độ và đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - VPUB: LĐVP, GTXD, KT, NN&TNMT;
 - Lưu VT, GTXD.
- QV. - D\QĐ\2024\061

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức